

# Gian lận và kiểm soát gian lận trong các doanh nghiệp Việt Nam

Lê Thị Thu Hà

Ngày nhận: 01/04/2019

Ngày nhận bản sửa: 26/04/2019

Ngày duyệt đăng: 17/05/2019

*Bài viết nghiên cứu thực trạng hành vi gian lận và các biện pháp kiểm soát gian lận đã được áp dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam. Dựa trên kết quả thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS đối với 274 phiếu khảo sát từ các kiểm toán viên nội bộ, kế toán trưởng, kế toán viên và trưởng phòng bộ phận trong các doanh nghiệp, kết quả cho thấy ít nhất 25% số người khảo sát đánh giá hành vi gian lận trong các doanh nghiệp là phổ biến hoặc rất phổ biến; trong đó thường gặp nhất là gian lận biến thủ tài sản thông qua việc thông đồng với bên thứ ba và gian lận báo cáo tài chính (BCTC) theo hướng điều hoà lợi nhuận tài sản. Đồng thời các doanh nghiệp đã áp dụng một số biện pháp kiểm soát như thiết lập quy định về hành vi đạo đức, sàng lọc nhân sự trước khi tuyển dụng. Tuy nhiên các doanh nghiệp chưa chú trọng vào việc kiểm soát hành vi gian lận từ các nhà quản lý cũng như thiết lập các đường dây nóng để báo cáo các hành vi gian lận.*

*Từ khóa: Kiểm soát gian lận, gian lận, rủi ro gian lận*

## 1. Giới thiệu

**G**ian lận là những hành động có chủ ý của một hay nhiều người ở bên trong hoặc bên ngoài một tổ chức, nhằm thực hiện các hành vi gian dối (biến thủ tài sản, làm sai lệch BCTC) với mục đích đem lại lợi ích cho bản thân người gây ra gian lận một cách bất hợp pháp (Hiệp hội kế toán công chứng Anh- ACCA, 2016). Những

nghiên cứu về gian lận trên thế giới cho thấy hành vi gian lận đang gây ra những thiệt hại lớn cho doanh nghiệp. Theo nghiên cứu của Hiệp hội các nhà điều tra gian lận- ACFE (2018), tổng thiệt hại các gian lận được phát hiện trong năm 2016- 2017 tại 125 quốc gia được nghiên cứu lên tới trên 7,1 tỷ USDD. Theo nghiên cứu của công ty KPMG (2013) tại Malaysia, các hành vi gian lận đang có xu hướng tăng lên và ngày càng trở nên tinh vi. Tại Việt Nam trong những năm gần đây, đã có nhiều hành vi

gian lận xảy ra, gây thiệt hại cho bản thân các doanh nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung. Để kiểm soát hành vi gian lận, các doanh nghiệp cần thực hiện nhiều biện pháp khác nhau như xây dựng văn hoá trung thực, xây dựng chính sách tuyển dụng, đào tạo nhân sự, thiết lập các đường dây nóng báo cáo gian lận...

Ở Việt Nam có rất ít nghiên cứu về thực trạng gian lận, cũng như các biện pháp kiểm soát gian lận đang được áp dụng trong các doanh nghiệp. Vì vậy, bài viết này nhằm mục đích nghiên cứu về mức độ phổ biến của gian lận cũng như cách thức kiểm soát gian lận đang được các doanh nghiệp sử dụng. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả đã tiến hành khảo sát nhận thức và đánh giá từ phía các doanh nghiệp về mức độ phổ biến của các hành vi gian lận và các biện pháp kiểm soát gian lận trong doanh nghiệp. Đối tượng khảo sát là kiểm toán viên nội bộ, kế toán trưởng, kế toán viên và nhân viên quản lý cấp phòng, ban tại các doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 25% các ý kiến cho rằng hành vi gian lận là ở mức độ phổ biến hoặc rất phổ biến, trong đó các hành vi gian lận phổ biến nhất là biển thủ tài sản thông qua thông đồng với bên thứ ba và hành vi gian lận BCTC theo hướng điều hoà lợi nhuận. Về các biện pháp kiểm soát gian lận, các doanh nghiệp đã áp dụng một số biện pháp như thiết lập qui định về hành vi đạo đức, sàng lọc nhân sự trước khi tuyển dụng. Tuy nhiên các doanh nghiệp chưa chú trọng vào việc kiểm soát hành vi gian lận từ các nhà quản lý cũng như thiết lập các đường dây nóng để báo cáo các hành vi gian lận.

Các kết quả nghiên cứu là nguồn thông tin tham khảo tốt cho các doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu lực của kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát hành vi gian lận trong doanh nghiệp.

## 2. Cơ sở lý luận về gian lận và kiểm soát gian lận trong doanh nghiệp

### 2.1. Khái niệm, phân loại gian lận

Có nhiều cách khác nhau để định nghĩa hành vi gian lận. Theo ACFE (2018): “*Gian lận trong nghề nghiệp là việc sử dụng công việc của cá*

*nhân để thu lợi thông qua việc sử dụng sai hoặc áp dụng sai một cách có chủ ý các nguồn lực hay tài sản của tổ chức*”.

Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) số 240- Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán BCTC, “*gian lận là hành vi cố ý do một hay nhiều người trong ban quản trị, ban giám đốc, nhân viên, hoặc bên thứ ba thực hiện bằng các hành vi gian dối để thu lợi bất chính hoặc bất hợp pháp*”.

Như vậy có thể hiểu một cách khái quát gian lận là việc thực hiện các hành vi không trung thực, không hợp pháp nhằm lừa gạt, dối trá để thu được lợi ích cho người thực hiện hành vi gian lận. Hành vi gian lận gây ra thiệt hại cho các doanh nghiệp, tổ chức.

Theo VSA số 240, gian lận được phân chia thành hai loại như sau:

*Một là, biển thủ tài sản.* Biển thủ tài sản là hành vi sử dụng sai tiền, tài sản của tổ chức nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Người thực hiện hành vi biển thủ tài sản có thể là nhân viên dưới hình thức trộm cắp với giá trị tương đối nhỏ. Tuy nhiên, hành vi này cũng có thể do nhà quản lý thực hiện với giá trị lớn vì họ dễ dàng che đậy hành vi của mình. Hành vi biển thủ tài sản có thể được biểu hiện theo nhiều dạng khác nhau, như: Biển thủ các khoản tiền mặt, hàng tồn kho, các khoản phải thu; Lấy cắp tài sản trí tuệ; thông đồng với bên thứ ba như khách hàng, nhà cung cấp gây thiệt hại cho tổ chức;... Hành vi biển thủ tài sản thường đi kèm với việc giả mạo chứng từ, tài liệu nhằm che giấu thông tin.

*Hai là, gian lận trong lập BCTC.* Gian lận trong lập BCTC nhằm mục đích ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động và tình hình tài chính phản ánh trên BCTC của doanh nghiệp. Tùy theo mục đích của nhà quản lý, BCTC có thể được điều chỉnh theo ba hình thức với mức độ khác nhau, bao gồm: (i) Khai khống lợi nhuận/tài sản; (ii) khai giảm lợi nhuận/tài sản; (iii) điều hòa lợi nhuận/tài sản (Arens & cộng sự, 2011). Đây là những hành vi sai phạm cố ý xuất phát từ chủ ý của các nhà quản lý nhằm điều chỉnh kết quả kinh doanh và các thông tin tài chính, làm người sử dụng thông tin tài chính hiểu sai bản chất thông tin, tình hình sản

xuất kinh doanh và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

## **2.2. Biện pháp kiểm soát gian lận trong doanh nghiệp**

Để kiểm soát gian lận, các doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh để có thể ngăn ngừa và phát hiện hành vi gian lận. Một số biện pháp nhằm kiểm soát gian lận nên được áp dụng theo khuyến nghị của các tổ chức quốc tế như Viện kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ- IIA, ACFE và một số công ty kiểm toán bao gồm:

- Thiết lập các quy định về hành vi đạo đức của doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cần thiết lập các nguyên tắc đạo đức trong doanh nghiệp, bao gồm các quy định về nguyên tắc ứng xử trong doanh nghiệp và với các đối tác;
- Nhận diện rủi ro gian lận: Đây là một trong những bước đầu tiên để có thể ngăn ngừa và phát hiện gian lận. Rủi ro gian lận có thể được nhận diện thông qua kinh nghiệm của các nhà quản lý trong đơn vị, liên quan đến các quy trình nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị;
- Thực hiện đánh giá rủi ro: Đánh giá mức độ ảnh hưởng và khả năng có thể xảy ra của các hành vi gian lận;
- Tiến hành sàng lọc nhân sự trước khi tuyển dụng: Báo cáo về gian lận của công ty PWC (2018) cho thấy 52% các gian lận là do các nhân viên trong đơn vị thực hiện. Do vậy việc rà soát nhân sự khi tuyển dụng là cần thiết để ngăn ngừa khả năng xảy ra gian lận. Các doanh nghiệp cần có các quy định cụ thể trong việc tuyển dụng;
- Ngăn ngừa rủi ro gian lận ở cán bộ quản lý cấp cao: Hành vi gian lận ở cấp quản lý có thể gây ra thiệt hại lớn do cán bộ quản lý thể lạm dụng quyền hạn đồng thời ngăn chặn các nhân viên tiếp cận với thông tin. Vì vậy, các chính sách kiểm soát gian lận cần chú trọng kiểm soát nhóm cán bộ quản lý, ví dụ thông qua việc xây dựng các chỉ tiêu hoạt động hợp lý, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp, luân chuyển cán bộ;
- Thiết lập đường dây nóng báo cáo gian lận: Theo nghiên cứu của ACFE (2018), các tổ chức

có đường dây nóng có cơ hội phát hiện gian lận cao hơn. Vì vậy, các doanh nghiệp nên có đường dây nóng để nhân viên hoặc đối tác báo cáo về các nghi vấn gian lận trong tổ chức...

## **2.3. Tổng quan nghiên cứu**

Đã có một số nghiên cứu tại các nước trên thế giới được thực hiện để đánh giá thực trạng gian lận trong doanh nghiệp.

Hiệp hội các nhà điều tra gian lận- ACFE- thực hiện các cuộc điều tra định kỳ về hành vi gian lận trong các doanh nghiệp và tổ chức trên thế giới. Theo báo cáo điều tra của ACFE (2018), tổng thiệt hại gây ra bởi các vụ gian lận được điều tra bởi các hội viên của ACFE tại 125 quốc gia trong năm 2016- 2017 là hơn 7,1 tỷ USD với 2.690 vụ gian lận. Trong đó hành vi biển thủ tài sản diễn ra phổ biến với 89% số vụ gian lận với giá trị thiệt hại trung bình là 114.000 USD. Hành vi gian lận báo cáo tài chính mặc dù chiếm tỷ lệ ít hơn với 10% nhưng lại gây ra thiệt hại trung bình khá cao, 800.000 USD trên một vụ gian lận. Một nửa các vụ gian lận xảy ra liên quan đến các yếu kém của kiểm soát nội bộ, ví dụ như việc không áp dụng các kiểm soát cần thiết, các kiểm soát bị bỏ qua, thiếu sự rà soát của các nhà quản lý, tổ chức thiếu môi trường đạo đức lành mạnh. Báo cáo của ACFE cũng chỉ ra rằng các hành vi gian lận trong tổ chức được phát hiện chủ yếu nhờ nhận được các báo cáo gian lận thông qua đường dây nóng, qua giám sát của kiểm toán nội bộ và rà soát của nhà quản lý.

Một số hãng kiểm toán cũng thực hiện các điều tra gian lận. Theo kết quả nghiên cứu về hành vi gian lận do công ty PWC (2018) thực hiện trên phạm vi toàn cầu, 49% các doanh nghiệp tham gia khảo sát đã từng xảy ra gian lận, tăng từ 36% năm 2016; 52% gian lận gây ra bởi cán bộ nhân viên của doanh nghiệp, 24% các gian lận do nhà quản lý thực hiện. Công ty KPMG (2013) thực hiện khảo sát về gian lận tại các công ty niêm yết tại Malaysia với đối tượng trả lời khảo sát là các nhà quản lý, trưởng kiểm toán nội bộ, giám đốc tài chính của các doanh nghiệp. Kết quả cho thấy 89% số người được hỏi cho rằng hành vi gian lận có xu hướng

tăng lên, trong khi 94% cho rằng hành vi gian lận ngày càng được thực hiện một cách tinh vi hơn. Các hành vi gian lận phổ biến nhất là biến thủ các khoản thanh toán (67% các câu trả lời), biến thủ tài sản vật chất (58%) và biến thủ các khoản thu (34%). Các yếu tố tạo điều kiện cho gian lận xảy ra là yếu kém của kiểm soát nội bộ (68%), thiếu kỹ năng điều tra gian lận của kiểm toán nội bộ (39%). Ngoài ra việc các doanh nghiệp chưa chú trọng việc truyền thông về các giá trị đạo đức của tổ chức (81% câu trả lời) cũng như việc các nhà quản lý chưa tạo tầm gương tốt cho nhân viên (43%) và môi trường đạo đức còn yếu của các doanh nghiệp (38%) cũng là những yếu tố quan trọng góp phần dẫn tới hành vi gian lận.

Ở Việt Nam cũng đã có một số nghiên cứu tìm hiểu về hành vi gian lận BCTC. Tạ Thu Trang (2017) thực hiện nghiên cứu về kiểm toán gian lận trong kiểm toán BCTC đối với các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Tác giả đã thu thập BCTC của 12 công ty bị cáo buộc gian lận ở Việt Nam và trên thế giới để nghiên cứu về các yếu tố rủi ro gian lận ảnh hưởng đến hành vi gian lận trên BCTC, các hình thức gian lận, chủ thể thực hiện hành vi gian lận. Việc nghiên cứu các BCTC được kết hợp với phỏng vấn các kiểm toán viên về kiểm toán gian lận. Kết quả nghiên cứu cho thấy gian lận khai tăng lợi nhuận, tài sản là loại hình gian lận phổ biến trên BCTC. Các khoản mục dễ bị gian lận bao gồm doanh thu, giá vốn, hàng tồn kho và khoản phải thu.

Lê Thị Thu Hà và cộng sự (2015) nghiên cứu về chất lượng kiểm toán BCTC của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu khẳng định kiểm soát nội bộ trong ngân hàng là một trong những nhân tố từ bên ngoài tác động đến chất lượng kiểm toán. Tính hiệu lực chưa cao của kiểm soát nội bộ tại một số ngân hàng, cụ thể là nhận thức và hành động của ban lãnh đạo một số ngân hàng là một trong các nguyên nhân dẫn tới các vụ gian lận xảy ra gần đây trong các ngân hàng.

Như vậy ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu về các tình huống gian lận cụ thể trong doanh nghiệp, và tập trung vào nghiên cứu về hành

vi gian lận BCTC từ góc độ kiểm toán độc lập. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu về mức độ phổ biến của gian lận, bao gồm cả gian lận biến thủ tài sản và gian lận BCTC, cũng như thực trạng các biện pháp giúp kiểm soát gian lận trong các doanh nghiệp.

Vi vậy, nghiên cứu này được tác giả thực hiện với mong muốn đóng góp vào tổng quan các nghiên cứu về mức độ phổ biến của các loại hình gian lận cũng như thực trạng các biện pháp kiểm soát gian lận trong doanh nghiệp Việt Nam từ góc nhìn của các doanh nghiệp.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu về mức độ phổ biến của gian lận và các biện pháp kiểm soát gian lận đang được thực hiện trong các doanh nghiệp Việt Nam, tác giả đã thiết kế bảng câu hỏi khảo sát để gửi tới các cán bộ quản lý, kiểm toán viên nội bộ, kế toán trưởng và nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp.

Bảng câu hỏi chia làm ba phần chính. *Phần thứ nhất* thu thập thông tin chung về đối tượng khảo sát, bao gồm vị trí công tác và qui mô của doanh nghiệp nơi đối tượng khảo sát công tác.

*Phần thứ hai* thu thập đánh giá của đối tượng khảo sát về mức độ phổ biến của một số loại gian lận tại doanh nghiệp nơi đối tượng khảo sát làm việc theo thang đo Likert với 5 mức độ, từ (1) Hoàn toàn không phổ biến tới (5) Hoàn toàn phổ biến. Gian lận được chia thành 2 loại là gian lận biến thủ tài sản và gian lận BCTC.

*Phần thứ ba* thu thập đánh giá của đối tượng khảo sát về các biện pháp kiểm soát gian lận đã được thực hiện tại doanh nghiệp.

Các phiếu khảo sát được gửi trực tiếp hoặc qua email trong thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 3/2018. Với hình thức trực tiếp, bản khảo sát được gửi tới các học viên tham gia chương trình chứng chỉ kiểm toán nội bộ công chứng và kế toán viên công chứng thông qua trung tâm đào tạo các chứng chỉ nghề nghiệp này tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Với hình thức gửi qua email, bảng câu hỏi được gửi và được tổng hợp tự động qua Google mail. Thư khảo sát được gửi tới email các doanh nghiệp, công ty đại chúng... thu thập trên trang web của các

**Bảng 1. Thống kê mô tả phản hồi về mức độ phổ biến của gian lận**

	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Biển thủ tài sản			2.10	
Biển thủ tiền	1	5	2.06	0.819
Biển thủ hàng tồn kho	1	5	2.08	0.805
Biển thủ tài sản khác	1	5	2.08	0.799
Biển thủ tài sản thông qua thông đồng với bên thứ 3	1	5	2.16	0.846
Gian lận BCTC			2.17	
Khai tăng lợi nhuận/tài sản	1	5	2.12	0.791
Khai giảm lợi nhuận/tài sản	1	5	2.17	0.845
Điều hoà lợi nhuận/tài sản	1	5	2.21	0.860

*Nguồn: Trích kết quả phân tích dữ liệu của nghiên cứu*

**Bảng 2. Thống kê tần suất phản hồi mức độ phổ biến của gian lận**

	Phổ biến (%)	Rất phổ biến (%)	Hoàn toàn phổ biến (%)	Tổng
Biển thủ tài sản				
Biển thủ tiền	22	2	1	25
Biển thủ hàng tồn kho	25	3	1	28
Biển thủ tài sản khác	22	4	0	26
Biển thủ tài sản thông qua thông đồng với bên thứ 3	26	4	1	31
Gian lận BCTC				
Khai tăng lợi nhuận/tài sản	24	3	1	28
Khai giảm lợi nhuận/tài sản	22	5	2	29
Điều hoà lợi nhuận/tài sản	27	6	1	34

*Nguồn: Trích kết quả phân tích dữ liệu của nghiên cứu*

doanh nghiệp, trang web của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, với đối tượng trả lời khảo sát là các cán bộ quản lý, kế toán trưởng, kế toán viên đang làm việc trong các doanh nghiệp.

Kết quả thu hồi được 274 phiếu hợp lệ, trong đó hình thức gửi trực tiếp đạt 182 phiếu (chiếm 66% tổng số phiếu thu được); hình thức gián tiếp qua Google mail đạt 92 phiếu (chiếm 34% tổng số phiếu thu được). Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS, sau đó các phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tổng hợp, so sánh nhằm đánh giá mức độ phổ biến của gian lận và các biện pháp kiểm soát gian lận trong các doanh nghiệp.

## 4. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Trong số 274 câu trả lời, lĩnh vực ngân hàng tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất (33%), tiếp đến là sản xuất, xây dựng và bất động sản (31%), thương mại dịch vụ (25%), các ngành còn lại chiếm 11%. 33% số phiếu trả lời đến từ các công ty niêm yết, 57% doanh nghiệp có quy mô lớn. Đối tượng trả lời khảo sát gồm có 27% là các kiểm toán viên nội bộ, 22% là kế toán trưởng, 31% kế toán viên và 20% là người quản lý các phòng ban nghiệp vụ trong doanh nghiệp.

**4.2. Mức độ phổ biến của gian lận trong doanh nghiệp**

Bảng 1 cho thấy đánh giá của các đối tượng trả lời khảo sát về mức độ phổ biến của hành vi gian lận trong các nghiệp. Trong đó gian lận biển thủ tài sản có mức độ phổ biến thấp hơn (trung bình 2,10) so với gian lận BCTC (trung bình 2,17).

Trong các loại gian lận biển thủ tài sản, biển thủ tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản khác có mức độ phổ biến thấp hơn (trung bình 2,06 và 2,08) so với thông đồng với bên thứ ba (2,16).

Khi xem xét cụ thể tần suất các câu trả lời, đối với 4 loại hình biển thủ tài sản, có từ 25% chọn câu trả lời là *phổ biến*, *rất phổ biến* hoặc *hoàn toàn phổ biến*. Trong 4 loại hình biển thủ tài sản thì hành vi thông đồng với bên thứ 3 được đánh giá có mức độ phổ biến cao nhất (31% *phổ biến*, *rất phổ biến* hoặc *hoàn toàn phổ biến*).

Đối với gian lận BCTC, có từ 28% chọn *phổ biến*, *rất phổ biến* hoặc *hoàn toàn phổ biến*.

Trong đó gian lận điều hoà lợi nhuận có mức độ phổ biến cao nhất (34% chọn *phổ biến*, *rất phổ biến* hoặc *hoàn toàn phổ biến*). Kết quả khảo sát này phù hợp với một số nghiên cứu trước đó cho thấy hành vi gian lận tăng lợi nhuận tài sản và điều hoà lợi nhuận tài sản trong các doanh nghiệp niêm yết (Tạ Thu Trang, 2017).

Khi xem xét đặc điểm của các doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp niêm yết có điểm trung bình mức độ phổ biến của gian lận thấp hơn so với

nhóm doanh nghiệp không niêm yết (Bảng 3). Khi phân loại theo qui mô doanh nghiệp, kết quả cho thấy doanh nghiệp có qui mô càng nhỏ thì mức độ phổ biến của gian lận được đánh giá càng cao (Bảng 4).

Điều này cho thấy doanh nghiệp niêm yết có mức độ gian lận ít phổ biến hơn tại các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp chưa niêm yết; các doanh nghiệp lớn hơn có xu hướng kiểm soát gian lận tốt hơn doanh nghiệp nhỏ.

**4.3. Biện pháp kiểm soát gian lận đã được thực hiện**

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp đã áp dụng một số biện pháp nhằm ngăn ngừa và phát hiện hành vi gian lận. Một số biện pháp đã được áp dụng phổ biến nhất bao gồm việc thiết lập một số qui định về hành vi đạo đức, sàng lọc nhân sự trước khi quyết định tuyển dụng, xem xét và cải thiện kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên một số biện pháp chưa được thực hiện nhiều như thiết lập đường dây nóng báo cáo hành vi gian lận và đặc biệt là việc tập trung vào những rủi ro gian lận của nhà quản lý. Điều này cho thấy các biện pháp kiểm soát gian lận của doanh nghiệp chưa chú trọng vào hành vi gian lận do nhà quản lý thực hiện, trong khi đây là loại hình gian lận có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng. Theo báo cáo của PWC (2018), gian lận do nhà quản lý thực hiện chiếm 24% các hành vi gian lận. Nhiều vụ gian lận lớn phát

**Bảng 3. Mức độ phổ biến của gian lận đối với doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết**

Trung bình mức độ phổ biến của gian lận	Doanh nghiệp niêm yết	Doanh nghiệp chưa niêm yết
Gian lận biển thủ tài sản	2.07	2.11
Gian lận BCTC	2.05	2.22

Nguồn: Trích kết quả phân tích dữ liệu của nghiên cứu

**Bảng 4. Mức độ phổ biến của gian lận theo qui mô doanh nghiệp**

Trung bình mức độ phổ biến của gian lận	Doanh nghiệp qui mô nhỏ	Doanh nghiệp trung bình	Doanh nghiệp qui mô lớn
Gian lận biển thủ tài sản	2.20	2.12	2.07
Gian lận BCTC	2.30	2.26	2.09

Nguồn: Trích kết quả phân tích dữ liệu của nghiên cứu

hiện ở Việt Nam trong thời gian gần đây cũng liên quan tới các nhà quản lý cao cấp trong doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp chưa áp dụng nhiều các biện pháp kiểm soát gian lận trong đó chú trọng vào gian lận từ các nhà quản lý có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng ngăn ngừa và phát hiện gian lận trong doanh nghiệp.

Đồng thời việc xây dựng các đường dây nóng nhằm báo cáo hành vi gian lận cũng chưa được áp dụng phổ biến. Điều này cũng làm giảm hiệu quả phát hiện gian lận. Theo báo cáo của ACFE (2018), nhiều gian lận đã được báo cáo và phát hiện thông các đường dây nóng, doanh nghiệp có đường dây nóng có cơ hội cao hơn trong việc phát hiện các hành vi gian lận.

### **5. Kết luận và khuyến nghị**

Bài viết đã nghiên cứu về mức độ phổ biến của gian lận trong các doanh nghiệp Việt Nam cũng như ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ tới kiểm soát hành vi gian lận từ góc độ của các doanh nghiệp. Kết quả cho thấy từ 25% các câu trả lời cho rằng hành vi gian lận là phổ biến trong doanh nghiệp. Trong đó các hành vi thông đồng với bên thứ ba để biến thủ tài sản và gian lận BCTC theo hướng điều hoà lợi nhuận là những hành vi gian lận phổ biến nhất. Về các biện

pháp kiểm soát gian lận, các biện pháp được áp dụng phổ biến nhất bao gồm xây dựng các qui định đạo đức, sàng lọc trong tuyển dụng nhân sự. Tuy nhiên các doanh nghiệp còn chưa chú trọng vào việc kiểm soát hành vi gian lận từ cấp quản lý doanh nghiệp, cũng như xây dựng các kênh báo cáo gian lận hiệu quả.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện kiểm soát nội bộ để tăng cường khả năng ngăn ngừa và phát hiện hành vi gian lận, đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động.

Để tạo môi trường kiểm soát tốt, nhà quản lý cần phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tất cả nhân viên trong công ty về phòng chống gian lận. Một trong những nội dung quan trọng là doanh nghiệp cần thiết lập một môi trường văn hoá trung thực và đạo đức lành mạnh (CIMA, 2008; KPMG, 2014), nâng cao nhận thức của từng cá nhân trong doanh nghiệp, từ đó xây dựng thương hiệu, tạo lòng tin cho các đối tác và mang lại lợi ích dài hạn cho doanh nghiệp. Để tạo văn hoá trung thực thì ban quản lý doanh nghiệp cần đóng vai trò lãnh đạo, làm tấm gương cho các nhân viên trong đơn vị. Để kiểm soát tốt hơn gian lận từ nhà quản lý, doanh nghiệp cần chú trọng việc đánh giá rủi ro gian lận. Quy trình đánh giá rủi ro cần nhận

**Bảng 5. Các biện pháp kiểm soát gian lận được áp dụng**

<b>Biện pháp kiểm soát</b>	<b>Tỷ lệ doanh nghiệp đã áp dụng (%)</b>
1 Thiết lập một số quy định về hành vi đạo đức của doanh nghiệp.	71
2 Tiến hành sàng lọc trước khi tuyển dụng	70
3 Xem xét và cải thiện kiểm soát nội bộ	64
4 Nhận diện rủi ro gian lận	52
5 Tiến hành đánh giá rủi ro gian lận.	52
6 Chính sách luân chuyển cán bộ.	52
7 Kiểm tra tình trạng bên thứ ba hoặc đối tác kinh doanh.	51
8 Doanh nghiệp của anh/chị có hệ thống báo cáo nặc danh những nghi ngờ gian lận	48
9 Người bên ngoài doanh nghiệp có thể thông báo qua đường dây nóng về các gian lận.	45
10 Tập trung vào những rủi ro gian lận của quản lý cấp cao.	44

*Nguồn: Trích kết quả phân tích dữ liệu của nghiên cứu*

diện các yếu tố tạo nên động cơ hoặc gây ra áp lực cho nhà quản lý hoặc nhân viên thực hiện hành vi gian lận. Ví dụ như việc xây dựng mục tiêu doanh thu, lợi nhuận cần dựa trên những cơ sở hợp lý để giảm thiểu áp lực gian lận BCTC cho các nhà quản lý hoặc nhân viên của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp cần thiết lập đường dây nóng để nhân viên, đối tác của công ty có thể báo

cáo hành vi gian lận cho tổ chức. Theo khuyến nghị của KPMG (2014), đường dây nóng báo cáo hành vi gian lận cần bảo mật thông tin của người gọi và cung cấp cho các nhân viên sự đảm bảo không bị trả thù khi báo cáo nghi vấn gian lận của cấp trên. Doanh nghiệp cần thiết lập các kênh trao đổi thông tin giữa các bộ phận trong một doanh nghiệp, giữa các bộ phận với

xem tiếp trang 54

### Tài liệu tham khảo

1. ACFE (2018), *Report to the nations 2018*, truy cập ngày 24/5/2018, từ <http://www.acfe.com/report-to-the-nations/2018/>.
2. ACCA (2016), *Audit and Assurance Services*, BPP Publishing house, UK.
3. Arens A., Elder J., Beasley S. (2011), *Auditing and Assurance Services - an integrated approach*, 15th Edition, Prentice Hall, USA.
4. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư 214/2012 về ban hành Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, ban hành ngày 06/12/2012.
5. CIMA (2008), *Fraud risk management - A guide to good practice*, truy cập ngày 10/3/2018, từ: [http://www.cimaglobal.com/Documents/ImportedDocuments/cid\\_techguide\\_fraud\\_risk\\_management\\_feb09.pdf.pdf](http://www.cimaglobal.com/Documents/ImportedDocuments/cid_techguide_fraud_risk_management_feb09.pdf.pdf)
6. COSO (2013), *Internal control - Integrated framework - Executive summary*, truy cập ngày 10/3/2018, từ: <https://www.coso.org/Documents/990025P-Executive-Summary-final-may20.pdf>.
7. IIA, AICPA, ACFE (2009), *Managing the Business Risk of Fraud: A Practical Guide*, truy cập ngày 10/3/2018, từ: [https://www.acfe.com/uploadedfiles/acfe\\_website/content/documents/managing-business-risk.pdf](https://www.acfe.com/uploadedfiles/acfe_website/content/documents/managing-business-risk.pdf)
8. KMMG (2013), *KPMG Malaysia Fraud, Bribery and Corruption Survey 2013*, truy cập ngày 15/9/2017, từ: <https://assets.kpmg/content/dam/kpmg/pdf/2016/03/fraud-survey-report.pdf>.
9. KPMG (2014), *Fraud risk management*, truy cập ngày 18/3/2018, từ: <https://assets.kpmg.com/content/dam/kpmg/pdf/2014/05/fraud-risk-management-strategy-prevention-detection-response-O-201405.pdf>
10. Lê Thị Thu Hà (2015), 'Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam', Đề tài cấp ngành, Học viện Ngân hàng.
11. PWC (2008), *Fraud - A guide to its prevention, detection and investigation*, truy cập ngày 10/3/2018, từ: <https://www.pwc.com.au/consulting/assets/risk-controls/fraud-control-jul08.pdf>.
12. PWC (2018), *Global economic crime and fraud survey*, truy cập ngày 10/3/2019, từ: <https://www.pwc.com/gx/en/services/advisory/forensics/economic-crime-survey.html>.
13. Tạ Thu Trang (2017), "Kiểm toán gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính đối với các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam", luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### Thông tin tác giả

Lê Thị Thu Hà, Tiến sĩ  
Học viện Ngân hàng  
Email: haltt@hvn.edu.vn

### Summary

#### Fraud and fraud controls in Vietnamese businesses

The study examines the level of fraud and popular methods to control fraud in Vietnamese companies. Based descriptive statistics using SPSS on 274 questionnaires from internal auditors, accountants and department managers in Vietnamese businesses, the results show that at least 25% of respondents assess the level of fraud in their organisations is popular or very popular; in which the most popular fraud type is asset misappropriation through collusion with third parties, and income smoothing. In addition, common fraud control methods include the establishment of particular ethical requirements and pre-employment screening. However, the businesses have not paid much attention to controlling management fraud and setting up hotlines for reporting fraud.

Key words: fraud, fraud control, fraud risk

Ha Thi Thu Le, PhD.  
Banking Academy of Viet Nam

thách thức trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”, Đại học Kinh tế quốc dân 2014.

7. Michael J.Lea (2006), *Secondary mortgage markets: International perspective*, page 34.

8. Mizuho (2013), *Research into mortgage market in Vietnam*.

9. Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2018), *Báo cáo về tình hình tăng trưởng dư nợ tín dụng 2018 (npsc.gov.vn)*.

### Thông tin tác giả

**Tạ Thanh Huyền**, Thạc sĩ  
Học viện Ngân hàng  
Email: huyentt@hvn.edu.vn

### Summary

#### The direction for real estate credit products in Vietnamese commercial banks

In recent years, real estate lending has always been the most valuable lending segment of banks with the proportion of about 10% of total outstanding loans (National Financial Supervisory Committee, 2018). Real estate lending, especially for individual customers will continue to attract the attention of banks because Vietnam has a young population structure and high housing demand. The article focuses on collecting information from individual customers as well as bank staff to assess the ability to meet customer needs of current real estate credit products. At the same time, it also offers solutions to improve and develop real estate credit products in the future.

Key words: credit, real estate lending, commercial banks

**Huyen Thanh Ta**, M.Ec.  
Banking Academy of Viet Nam

---

tiếp theo trang 30

các nhà quản lý, giữa doanh nghiệp với các đối tượng bên ngoài như nhà cung cấp, các tổ chức tín dụng, kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước, khách hàng, đặc biệt là thiết lập các đường dây nóng để báo cáo các hành vi bất thường.

Các hoạt động kiểm soát cần chú trọng rà soát các bên thứ ba và giao dịch với các bên liên quan nhằm ngăn ngừa gian lận, đặc biệt là các bên liên quan do thành viên ban giám đốc hoặc các nhà quản lý kiểm soát, vì các cá nhân này có thể thực hiện các giao dịch đem lại lợi ích cho họ và gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Bên cạnh các hoạt động kiểm soát truyền thống, các doanh nghiệp lớn có thể áp dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu, kỹ thuật kiểm toán liên tục (continuous auditing) để phát hiện hành vi gian lận (IIA, AICPA & ACFE, 2016). Các kỹ thuật phân tích dữ liệu có thể giúp phát hiện các số liệu, xu hướng bất thường trong một tập dữ liệu lớn. Người sử dụng có thể đào sâu số liệu trong các bút toán để xác định các giao dịch khả

nghi xảy ra tại thời điểm cuối năm, hoặc các giao dịch xảy ra cuối năm trước và bị ghi đảo vào đầu năm sau, từ đó cho phép ban quản lý và kiểm toán viên xác định và báo cáo các hành vi gian lận nhanh chóng hơn.

Kiểm soát hành vi gian lận có vai trò không thể phủ nhận ở mọi doanh nghiệp. Vì vậy, mọi doanh nghiệp cần nhận thức được vấn đề này và không ngừng cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của mình nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động của mình ■